

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA GIẢNG VIÊN Ở TRƯỜNG SĨ QUAN PHÁO BINH HIỆN NAY

Phùng Mạnh Hùng - Trường Sĩ quan Pháo binh

Ngày nhận bài: 27/12/2018; ngày sửa chữa: 05/01/2019; ngày duyệt đăng: 31/01/2019.

Abstracts: Along with the strong development of science and technology in real life and in the military field, a problem is raised to improve the quality of scientific research in academies and colleges in the Army in general and in College of Artillery Officers in particular. In this article, we propose a number of measures to improve the quality of scientific research of lecturers at College of Artillery Officers today.

Keywords: Scientific research, measures, College of Artillery Officers.

1. Mở đầu

Đào tạo và nghiên cứu khoa học (NCKH) là hai hoạt động quan trọng, hai nhiệm vụ cơ bản của một trường đại học, trong đó NCKH là một trong những biện pháp để nâng cao chất lượng đào tạo. Trong thời kì CNH, HĐH đất nước, để xây dựng đội ngũ nhà giáo có năng lực sư phạm, đáp ứng những yêu cầu đổi mới của ngành Giáo dục, thì hoạt động NCKH luôn được các cơ sở đào tạo chú trọng.

Trường Sĩ quan Pháo binh là trung tâm đào tạo sĩ quan chỉ huy pháo binh cấp phân đội, trong những năm qua nhà trường đã thường xuyên nâng cao chất lượng NCKH, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường. Bài viết đề xuất một số biện pháp nâng cao chất lượng NCKH của giảng viên (GV) ở Trường Sĩ quan Pháo binh hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên ở Trường Sĩ quan Pháo binh hiện nay

2.1.1. Hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên ở các trường đại học

Có thể hiểu, NCKH là sự phát hiện bản chất sự vật, phát triển nhận thức khoa học về thế giới; hoặc là sáng tạo phương pháp mới và phương tiện kĩ thuật mới để làm biến đổi sự vật, phục vụ cho mục tiêu hoạt động của con người [1].

Đối với GV nói chung, giảng dạy và NCKH là hai nhiệm vụ quan trọng, nổi bật nhất ở trường đại học. Hai nhiệm vụ này có mối liên hệ mật thiết, tác động qua lại, hỗ trợ và bổ sung cho nhau cùng phát triển. Nếu hoạt động NCKH được thực hiện hiệu quả sẽ cung cấp những tri thức mới, có tính chuyên sâu, hệ thống, giúp GV tìm được những cách thức, phương pháp giảng dạy hiện đại, hấp dẫn, thu hút sự tập trung, chú ý của người học,... từ đó góp phần nâng cao hiệu quả dạy học. Ngược lại, hoạt động giảng dạy không chỉ góp phần xã hội hóa, hiện thực hóa các kết quả NCKH mà còn làm nảy sinh, gợi mở các vấn đề, hình thành các ý tưởng nghiên cứu, từ đó thúc đẩy hoạt động NCKH diễn ra nhanh và cụ thể hơn.

Thông qua NCKH, GV có điều kiện tiếp cận thực tiễn và tổng kết thực tiễn. Các kết quả NCKH đã đóng góp một phần không nhỏ vào việc chỉnh lí, biên soạn lại các bài giảng, giáo trình giảng dạy. Thực tiễn cho thấy, việc đổi mới về nội dung, phương pháp dạy học chủ yếu dựa trên kết quả nghiên cứu của các đề tài khoa học. Những kết quả nghiên cứu này đã góp phần làm cho nội dung các bài giảng thêm phong phú, sinh động và phù hợp với thực tế hơn.

Bên cạnh đó, hoạt động NCKH còn góp phần đổi mới phương pháp dạy học. Chất lượng và hiệu quả đào tạo trước hết phụ thuộc vào nội dung và phương pháp dạy học. Phương pháp nhằm chuyển tải nội dung tới người học và việc sử dụng phương pháp nào có hiệu quả với người học lại chính là sản phẩm của quá trình NCKH. Kết quả NCKH là tiền đề để mỗi GV nâng cao chất lượng dạy học.

2.1.2. Những kết quả đạt được

Theo Báo cáo của nhà trường [2], công tác NCKH của GV ở nhà trường đã đạt được một số kết quả sau:

- *Chất lượng NCKH của đội ngũ GV trong nhà trường từng bước được nâng lên, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ NCKH.* Trước yêu cầu phải nâng cao chất lượng đào tạo, nhà trường đã từng bước xây dựng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, GV, kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ GD-ĐT và NCKH.

- *Phương pháp và kinh nghiệm NCKH của GV đã được nâng cao hơn và từng bước được điều chỉnh theo nhiệm vụ NCKH của nhà trường.* Năng lực NCKH của cán bộ, GV ở nhà trường đã được tăng cường về kĩ năng, phương pháp và kinh nghiệm NCKH. Thực tiễn cho thấy, kĩ năng, phương pháp, kinh nghiệm NCKH của cán bộ, GV được nâng lên thông qua thực tiễn giảng dạy và nghiên cứu.

- *Về số lượng, chất lượng các sản phẩm khoa học.* Trong những năm qua, chất lượng và số lượng các công trình, đề tài nghiên cứu của GV được nâng lên rõ rệt, thể hiện qua bảng tổng hợp kết quả NCKH các cấp từ năm học 2014 đến 2018 (xem *bảng 1*):

Bảng 1. Tổng hợp các đề tài NCKH đã nghiệm thu từ năm học 2014-2018

Năm học	Đề tài cấp Ngành/ Bộ Tổng tham mưu	Đề tài cấp Bình chủng	Đề tài cấp Trường	Phim khoa học phục vụ Huấn luyện	Đề tài cấp Khoa
Năm 2014	3	4	21	04	26
Năm 2015	3	4	15	02	17
Năm 2016	4	2	28	03	16
Năm 2017	3	2	18	02	15
Năm 2018	5	4	36	03	19
Tổng	18	16	118	14	93

2.1.3. Những hạn chế trong nghiên cứu khoa học của giảng viên ở Trường Sĩ quan Pháo binh

Để đánh giá thực trạng năng lực NCKH của cán bộ, GV, chúng tôi đã đưa ra câu hỏi tự đánh giá (năng lực NCKH của đồng chí hiện nay đạt mức? (chọn 1 phương án)) cho 250 cán bộ, GV của nhà trường, trong đó Khối Khoa: 150 phiếu; Khối Phòng: 80 phiếu; Khối Tiểu đoàn: 20 phiếu. Kết quả: - Khối Phòng có 11,25% đạt mức tốt; 38,75% khá; 35% trung bình; yếu có 12,5%; khó trả lời 2,5%; - Khối khoa giáo viên có 13,33% mức tốt; 37,33% khá; 30% trung bình; yếu có 14%; khó trả lời 5,33%; - Khối tiểu đoàn: 10% tốt; 30% khá; 40% trung bình có 40%; 15% yếu; khó trả lời 5%.

- *Kỹ năng và kinh nghiệm NCKH của một bộ phận GV còn hạn chế.* Theo Báo cáo tổng kết của nhà trường [2], một bộ phận GV của nhà trường chưa thật sự tích cực trong công tác NCKH; một số GV chỉ tập trung vào công tác giảng dạy, chưa đầu tư thời gian thích hợp vào công tác NCKH nên chất lượng NCKH chưa cao. Hiện nay, một số GV còn thiếu kỹ năng và kinh nghiệm trong NCKH, thiếu kiến thức nền tảng để thực hiện nhiệm vụ NCKH, trong đó phải kể đến việc chưa được trang bị kiến thức cơ sở về môn Phương pháp NCKH.

- *Chất lượng một số đề tài NCKH chưa cao.* Bên cạnh các công trình NCKH có chất lượng, thực tế cũng cho thấy, một số công trình NCKH có khả năng ứng dụng, vận dụng vào thực tiễn còn hạn chế, biểu hiện: có những đề tài cấp nhà trường, cấp khoa,... có phạm vi nghiên cứu quá rộng, nên kết quả nghiên cứu không sâu, nội dung còn dàn trải; một số đề tài có tính khoa học, tính thực tiễn chưa cao. Bên cạnh hạn chế về hàm lượng khoa học của các công trình nghiên cứu, một số đề tài có kết cấu chưa khoa học, thiếu tính logic giữa các nội dung cần nghiên cứu, văn phong thiếu mạch lạc, rõ ràng.

2.2. Đề xuất một số biện pháp nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học của giảng viên ở Trường Sĩ quan Pháo binh hiện nay

2.2.1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho đội ngũ cán bộ quản lý về vai trò của hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên trong nhà trường

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho đội ngũ lãnh đạo, quản lý về công tác NCKH của GV trong nhà trường là biện pháp có ý nghĩa quan trọng. Để có sự chuyển biến về hành động, trước hết phải chuyên biến về nhận thức. Ở Trường Sĩ quan Pháo binh hiện nay, để nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho đội ngũ lãnh đạo, quản lý về vai trò của công tác NCKH của GV trong nhà trường, cần thực hiện tốt các nội dung sau:

- *Tăng cường trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ NCKH cho GV của chỉ huy các cấp trong nhà trường.* Đây là một biện pháp trực tiếp, giúp GV trong nhà trường thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ được giao và tham gia NCKH, là nội dung để hiện thực hóa nghị quyết lãnh đạo, chương trình, kế hoạch NCKH của cấp ủy. Với vai trò, trách nhiệm là người đứng đầu, người chỉ huy các cấp với chức trách, nhiệm vụ được giao cần tăng cường trách nhiệm quản lý, tổ chức các hoạt động NCKH trong đơn vị, duy trì công tác kiểm tra, đánh giá, bám sát tiến độ NCKH, tình hình thực tiễn của cơ quan, đơn vị để có sự chỉ đạo kịp thời.

- *Thường xuyên tổ chức tốt hoạt động bồi dưỡng, phát triển năng lực NCKH cho GV.* Ban Giám hiệu nhà trường, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ huy ở phòng, khoa cần căn cứ vào tình hình thực tiễn trong năm học để tổ chức các lớp bồi dưỡng kỹ năng NCKH cho GV của nhà trường. Thông qua quá trình bồi dưỡng, năng lực NCKH của GV sẽ được củng cố, bổ sung và hoàn thiện. Các khả năng về tri thức, kỹ năng, phương pháp, kinh nghiệm NCKH được tăng cường, củng cố.

Như vậy, thông qua nội dung, hình thức bồi dưỡng của đội ngũ cán bộ quản lý, lãnh đạo trong nhà trường, giúp GV từng bước nâng cao năng lực NCKH, biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Qua đó, giúp đội ngũ GV của nhà trường ngày càng hoàn thiện hơn về mọi mặt, củng cố những yếu tố cấu thành năng lực NCKH; tiếp tục thực hiện nhiệm vụ GD-ĐT, NCKH của nhà trường.

2.2.2. Xây dựng kế hoạch cụ thể trong quá trình triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học

Trong công tác NCKH, nếu không có kế hoạch cụ thể, hoặc kế hoạch xây dựng không phù hợp thì sẽ khó xác định được thời gian cho quá trình nghiên cứu, gây khó khăn trong quá trình thực hiện, dẫn đến chất lượng nghiên cứu không cao.

Để đạt được mục tiêu trong hoạt động NCKH, trước hết cần phải có kế hoạch cụ thể, nghĩa là cần xác định được nội dung, tính chất cũng như cách thức để đi tới mục tiêu nghiên cứu đặt ra. Việc xây dựng kế hoạch NCKH cần tiến hành ở các cấp, dựa trên căn cứ về yêu cầu, nhiệm vụ, đặc điểm, tình hình của đơn vị và khả năng của người nghiên cứu để có kế hoạch cho phù hợp. Kế hoạch NCKH cần thể hiện được tính toàn diện, cơ bản và khoa học, bảo đảm đúng quy trình, tiến độ, các công việc không bị chồng chéo.

2.2.3. Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của giảng viên trong hoạt động nghiên cứu khoa học

Để thực hiện biện pháp này, GV cần chú ý một số yêu cầu sau:

- *Tích cực hóa hoạt động NCKH.* Trong quá trình NCKH, nếu có mục đích, động cơ đúng đắn sẽ giúp GV tích cực, chủ động, tự giác, sáng tạo hơn trong NCKH. Công tác NCKH đòi hỏi sự kiên trì, kiên định lập trường tư tưởng, xác định rõ mục đích, nhiệm vụ NCKH; tích cực học tập, tự bồi dưỡng kiến thức; say mê tìm tòi, sáng tạo trong nghiên cứu; phân bổ thời gian NCKH phù hợp; luôn tìm tòi sáng tạo, có sự trao đổi với đồng nghiệp.

- *Nâng cao năng lực NCKH kết hợp với nâng cao đạo đức nghề nghiệp của GV trong hoạt động giáo dục, đào tạo* nhằm giúp GV “vừa hồng vừa chuyên”, có đầy đủ phẩm chất và năng lực NCKH. Thông qua hoạt động NCKH và giảng dạy, GV không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn, kĩ năng nghề nghiệp, hoàn thiện về phẩm chất và nhân cách, đáp ứng nhiệm vụ GD-ĐT của Trường Sĩ quan Pháo binh hiện nay.

Việc tu dưỡng phẩm chất đạo đức của GV cần gắn với phát triển năng lực NCKH, thực hiện tốt các nội dung của Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyên hóa” trong nội bộ”. Biện pháp này cần được thực hiện một cách toàn diện theo hướng thiết thực, vững chắc, chuẩn bị cho bước phát triển về chất khi thực hiện các nhiệm vụ GD-ĐT, NCKH của nhà trường trong tình hình mới, với những yêu cầu cao hơn.

2.2.4. Xây dựng môi trường nghiên cứu khoa học tích cực cho giảng viên trong nhà trường

Điều kiện, môi trường NCKH ở nhà trường cần đảm bảo cho việc phát triển năng lực NCKH của GV, thúc đẩy GV tích cực học tập, rèn luyện, phát triển khả năng của mình. Nâng cao chất lượng, xây dựng môi trường NCKH, các điều kiện thuận lợi cho quá trình NCKH của GV là kết quả tổng hợp của nhiều yếu tố, là trách nhiệm của các tổ chức, lực lượng trong nhà trường.

Để nâng cao chất lượng môi trường NCKH cho đội ngũ GV trong nhà trường, cần:

- *Đổi mới cơ chế, chính sách phù hợp với hoạt động NCKH của GV trong nhà trường hiện nay.* Nếu có cơ chế chính sách đúng, phù hợp sẽ phát huy tiềm năng, năng lực NCKH của GV, tạo ra động lực, sự say mê, góp phần đẩy mạnh hoạt động NCKH của nhà trường. Cụ thể:

+ *Thường xuyên thực hiện có hiệu quả hoạt động đào tạo, bồi dưỡng GV.* Công tác bồi dưỡng về phương pháp NCKH cho GV ở nhà trường cần tích hợp trong việc tự học, tự nghiên cứu của GV, làm tốt công tác tạo nguồn và cử GV đi đào tạo ở các học viện, nhà trường trong và ngoài quân đội.

+ *Nâng cao chế độ thông tin, cung cấp thông tin khoa học cho GV của nhà trường.* Trong thời đại khoa học công nghệ 4.0 hiện nay, nhà trường cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, NCKH. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của trang mạng nội bộ, mạng Internet ở thư viện, phòng đọc,... Nghiên cứu xây dựng thư viện, kho dữ liệu số hóa riêng của nhà trường, tạo điều kiện để GV cập nhật thông tin, bổ sung kiến thức mới, nắm bắt những thành tựu khoa học của các nước trong khu vực và trên thế giới.

- *Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thư viện, phòng đọc của nhà trường.* Cần tiếp tục đầu tư về cơ sở vật chất của hệ thống thư viện, phòng đọc, mượn tài liệu theo hướng điện tử, số hóa hiện đại, thu hút ngày càng đông đảo GV đến nghiên cứu, học tập. Các thư viện, phòng đọc cần bảo đảm đủ nguồn tài liệu, giáo trình, sách tham khảo cho học viên, GV nhằm phục vụ giảng dạy và NCKH. Rà soát lại hệ thống giáo trình, phòng chuyên dùng, kịp thời bổ sung về số lượng, nâng cao về chất lượng, đáp ứng nhu cầu NCKH của GV.

3. Kết luận

Quá trình nâng cao chất lượng NCKH ở Trường Sĩ quan Pháo binh chịu sự tác động của nhiều yếu tố, cả khách quan và chủ quan. Bên cạnh đó, sự quan tâm của lãnh đạo chỉ huy các cấp và sự năng động tích cực, sáng tạo của đội ngũ GV của nhà trường trong NCKH là cơ sở quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo, góp phần xây dựng nhà trường trở thành trung tâm NCKH quân sự pháo binh của toàn quân, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay.

(Xem tiếp trang 9)

đề cao tính chủ động, sáng tạo và khả năng tự hoàn thiện phẩm chất, năng lực của người GV. Việc triển khai thực hiện các biện pháp phát triển đội ngũ GVMN vùng khó khăn phải dựa trên nguyên tắc phát huy tính dân chủ ở cơ sở, các quyết định của chủ thể quản lý liên quan đến đội ngũ GV phải đảm bảo tính pháp lý, đồng thời thể hiện được ý chí, nguyện vọng của đông đảo GV, phải tính đến yếu tố đặc thù của GV đang công tác tại địa bàn có điều kiện KT-XH khó khăn, có như vậy mới nhận được sự đồng tình, ủng hộ và sự yên tâm công tác của GVMN vùng khó khăn.

Phát huy sức mạnh của tập thể GV trong phát triển đội ngũ GV vùng khó khăn tỉnh Bạc Liêu còn được biểu hiện ở vai trò của chủ thể quản lý phải biết khơi dậy được tiềm năng tự giáo dục, tự rèn luyện của mỗi GV. Vì vậy, hệ thống giải pháp phát triển đội ngũ GVMN vùng khó khăn phải thể hiện được mối quan hệ giữa đào tạo, bồi dưỡng của tổ chức sư phạm với tự đào tạo, tự bồi dưỡng của mỗi GV.

Những yêu cầu và giải pháp xây dựng, phát triển đội ngũ GVMN vùng khó khăn tỉnh Bạc Liêu có quan hệ chặt chẽ, tương tác với nhau. Điều quan trọng nhất là để thực hiện mục tiêu đề ra, ngành GD-ĐT tỉnh Bạc Liêu không chỉ thực hiện tốt từng yêu cầu, giải pháp riêng lẻ mà luôn cần thực hiện tốt và đồng bộ các yêu cầu, giải pháp đã đề ra, giải quyết tốt mối quan hệ giữa từng giải pháp với toàn bộ các giải pháp, có tính đến sự ưu tiên giải pháp trọng điểm tùy theo tình hình thực tế.

3. Kết luận

Phương hướng phát triển đội ngũ GVMN vùng khó khăn tỉnh Bạc Liêu hiện nay luôn bị chi phối mang tính quyết định bởi mục tiêu, giải pháp phát triển giáo dục, thực tiễn quản lý giáo dục nhà trường và khả năng phấn đấu của bản thân GV. Trên cơ sở tiếp tục phát huy những ưu điểm và tìm cách giải pháp khắc phục dần những hạn chế để giải quyết căn cơ những bất cập để đội ngũ GVMN vùng khó khăn được phát triển vững chắc, đảm bảo đủ về số lượng, nâng cao về chất lượng và đáp ứng được cơ cấu, cải thiện chất lượng GDMN vùng khó khăn, tạo nền tảng cho các bậc giáo dục tiếp theo. Tôn trọng thực tế khách quan đó, chúng ta có thể đề xuất các biện pháp phát triển đội ngũ GVMN vùng khó khăn với tính mục tiêu rõ ràng, phù hợp với thực tiễn và có tính khả thi cao. Những vấn đề nêu trên vừa là những yêu cầu cũng vừa là những giải pháp thực hiện; nếu được thực hiện tốt sẽ mang lại hiệu quả.

Tài liệu tham khảo

- [1] Quốc hội (2005). *Luật Giáo dục 2005*. Luật số 38/2005/QH11 ban hành ngày 14/6/2005.
- [2] Bộ GD-ĐT (2017). *Chương trình giáo dục mầm non*. NXB Giáo dục Việt Nam.

- [3] Bộ GD-ĐT (2008). *Quyết định số 11/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/3/2008 về việc ban hành Điều lệ cha mẹ học sinh*.
- [4] Bộ GD-ĐT (2009). *Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 về việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non*.
- [5] Bộ GD-ĐT (2008). *Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 ban hành Điều lệ trường mầm non*.
- [6] Bộ GD-ĐT (2008). *Quyết định số 02/2008/QĐ-BGDĐT ngày 22/01/2008 ban hành quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non*.
- [7] Trình Dân - Nguyễn Thị Hòa (1993). *Giáo dục học mầm non*. NXB. Đại học Sư phạm.
- [8] Phạm Thị Châu (chủ biên, 2002). *Một số vấn đề quản lý giáo dục mầm non*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [9] Trần Khánh Đức (1994). *Một số vấn đề về đào tạo, bồi dưỡng giáo viên trên thế giới*. Viện Khoa học giáo dục.

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO...

(Tiếp theo trang 17)

Tài liệu tham khảo

- [1] Vũ Cao Đàm (2012). *Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [2] Trường Sĩ quan Pháo binh (2018). *Báo cáo tổng kết hoạt động nghiên cứu khoa học giai đoạn 2014-2018*.
- [3] Bộ GD-ĐT (2001). *Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT ban hành quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học*.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). *Nghị quyết hội nghị lần thứ 4 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ*.
- [5] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [6] Đảng ủy Quân sự Trung ương (2007). *Nghị quyết số 86/NQ-ĐUQSTW về công tác giáo dục - đào tạo trong tình hình mới*.
- [7] Đảng ủy Trường Sĩ quan Pháo binh (2015). *Nghị quyết đại hội Đảng bộ Trường Sĩ quan Pháo binh lần thứ XX (nhiệm kì 2015-2020)*.
- [8] Bùi Hiền - Nguyễn Văn Giao - Nguyễn Hữu Quỳnh - Vũ Văn Tào (2001). *Từ điển Giáo dục học*. NXB Từ điển Bách khoa.
- [9] Nguyễn Văn Đệ - Lê Quang Sơn (2013). *Xu thế phát triển giáo dục*. NXB Đại học Sư phạm.